

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kim.

2. Ông Đoàn Văn Vui.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/02/2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Kim C, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: ấp Phú Bình, xã Phú Mỹ, huyện M, tỉnh B;

Bị đơn: Ông Phùng Thanh H, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: ấp Phú Bình, xã Phú Mỹ, huyện M, tỉnh B.

Bà C có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 03/02/2023, biên bản hòa giải ngày 23/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Kim C trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phùng Thanh H do quen biết sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã P, huyện C, tỉnh B vào ngày 08/11/2005. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau hôn nhân càng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vì vợ chồng bà không có tiếng nói chung, thường hay

cự cãi vì ông H không quan tâm gia đình, không phụ đóng góp kinh tế để nuôi con chung. Bà cũng đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông H không thay đổi. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông H và không thể tiếp tục hôn nhân với ông H nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Khi ly hôn bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông H có hai con chung là Phùng Thị Gia H, sinh ngày 01/12/2012 và Phùng Thị Thanh T, sinh ngày 02/01/2007. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 23/02/2023 và biên bản hòa giải ngày 23/02/2023 Bị đơn ông Phùng Thanh H trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của bà C về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng ông sống bên gia đình bà C. Trong thời gian sống chung vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Ông vẫn quan tâm đến gia đình nhưng do đi làm không có tiền nên không thường phụ vợ về kinh tế gia đình. Ông vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Khi ly hôn ông không yêu cầu bà C cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà C có hai con chung là Phùng Thị Gia H, sinh ngày 01/12/2012 và Phùng Thị Thanh T, sinh ngày 02/01/2007. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì ông cũng đồng ý để bà C trực tiếp nuôi cả hai con chung và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định về nghĩa vụ của mình, cụ thể còn vắng mặt trong những lần Tòa án mời. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: bà Phan Kim C được ly hôn với ông Phùng Thanh H; về con chung: bà C được trực tiếp nuôi hai con chung là Phùng Thị Gia H, sinh ngày 01/12/2012 và Phùng Thị Thanh T, sinh ngày 02/01/2007; ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không có yêu cầu; về tài sản chung: bà C, ông H trình bày không có nên không xem xét giải quyết; nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện

yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn Phùng Thanh H có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống, có mặt tại xã P, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: bà Phan Kim C và ông Phùng Thanh H xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã P, huyện Chợ Lách, tỉnh B vào ngày 08/11/2005 (nay là UBND xã Phú Mỹ, huyện M, tỉnh B). Xét thấy, hôn nhân của bà C và ông H đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà cũng có thời gian dài chung sống hạnh phúc nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc bà C xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà C cho rằng: nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, ông H không đưa tiền để phụ bà nuôi con, vợ chồng cãi nhau do tính tình không hòa hợp.

Hội đồng xét xử thấy rằng bà C và ông H mặc dù là vợ chồng nhưng hiện nay vợ chồng bà C đã không còn quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau để tạo điều kiện phát triển gia đình. Bà C cho rằng, một mình bà phải tần tảo lo nuôi con, lo cho gia đình; ông H đi làm vẫn có thu nhập ổn định hàng ngày nhưng lại bỏ mặc bà và các con tự trang trải cuộc sống, không có sự quan tâm lẫn nhau. Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Ông H mặc dù có trình bày cho rằng mình còn thương bà C nhưng không đưa ra được giải pháp hàn gắn hôn nhân, Tòa án cũng tiến hành mời ông H và bà C đến Tòa để tiếp tục có phương án hàn gắn hôn nhân cho ông bà nhưng ông H vắng mặt trong những lần tòa án triệu tập mà không có lý do. Điều đó chứng tỏ ông H không có thiện chí hàn gắn hôn nhân cùng bà C, còn bà C thì vẫn kiên quyết xin được ly hôn với ông H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C là phù hợp. Khi ly hôn bà C và ông H đều không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng nên không xem xét giải quyết.

[3] *Về nuôi con chung*: trong thời gian chung sống bà C và ông H có hai con chung là Phùng Thị Gia H, sinh ngày 01/12/2012 và Phùng Thị Thanh T, sinh ngày 02/01/2007. Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên thì cháu Hân và cháu Trúc đều có nguyện vọng được sống cùng với bà C, điều này cũng phù hợp với yêu cầu của bà C về vấn đề con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H cũng có lời trình bày, nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì ông cũng đồng ý để con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các con chung và phù hợp với

nguyện vọng của các bên nên tiếp tục giao cháu T và cháu H cho bà C nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà C không có yêu cầu nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về chia tài sản chung và nợ chung*: trong quá trình giải quyết vụ án bà C và ông H cùng trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí ly hôn*: buộc bà Phan Kim C phải chịu do bà C yêu cầu ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim C.

Bà Phan Kim C được ly hôn với ông Phùng Thanh H.

[2]. *Về nuôi con chung*: trong thời gian chung sống bà C và ông H có hai con chung là Phùng Thị Gia H, sinh ngày 01/12/2012 và Phùng Thị Thanh Tr, sinh ngày 02/01/2007. Bà Phan Kim C được trực tiếp tiếp tục nuôi hai con chung (con chung hiện đang sống với bà C). Khi ly hôn ông Phùng Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Phan Kim C không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] *Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung*: bà C và ông H thống nhất không có nên không đề cập.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Phan Kim C phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002318 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B nên bà C không phải nộp thêm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKS nhân dân huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND Phú Mỹ, huyện M (Đkxh số 132 ngày 08/11/2005 tại UBND Xã P);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Cao Thanh Minh